

**CHÍNH PHỦ**

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 93/2002/ND-CP ngày 11/11/2002 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 196/CP ngày 31/12/1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về thỏa ước lao động tập thể.**

**CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Căn cứ Bộ luật Lao động ngày 23 tháng 6 năm 1994; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động ngày 02 tháng 4 năm 2002;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội,*

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 196/CP ngày 31 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về thỏa ước lao động tập thể căn cứ theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Lao động (sau đây gọi chung là Bộ luật Lao động đã sửa đổi, bổ sung) như sau:

**1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 như sau:****"Điều 1.**

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng thỏa ước lao động tập thể là các doanh nghiệp, tổ chức có tổ

chức công đoàn cơ sở hoặc Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời, bao gồm:

a) Doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp nhà nước, Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

b) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các đơn vị hành chính, sự nghiệp, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội;

c) Hợp tác xã thành lập theo Luật Hợp tác xã có sử dụng lao động theo hợp đồng lao động;

d) Các cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao ngoài công lập thành lập theo Nghị định số 73/1999/ND-CP ngày 19 tháng 8 năm 1999 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa;

đ) Các cơ quan, tổ chức quốc tế hoặc nước ngoài đóng trên lãnh thổ Việt Nam có sử dụng lao động hợp đồng là người Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác."

**2. Sửa đổi Điều 3 như sau:**

Thay cụm từ "tổ chức công đoàn lâm thời" bằng cụm từ "Ban Chấp hành Công đoàn lâm thời".

**3. Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:**

**"Điều 5.** Việc đăng ký thỏa ước lao động tập thể theo Điều 47 của Bộ luật Lao động đã sửa đổi, bổ sung được quy định như sau:

Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày ký kết thỏa ước lao động tập thể, người sử dụng lao động phải gửi bản thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi có trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc tổ chức để đăng ký. Doanh nghiệp trong khu chế xuất, khu công nghiệp, khu công nghệ cao (gọi chung là khu công nghiệp) đăng ký tại Ban Quản lý khu công nghiệp



theo ủy quyền của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, nơi có trụ sở chính của Ban Quản lý đó.”

#### **4. Bổ sung Điều 5a như sau:**

**"Điều 5a.** Quyền, nghĩa vụ và lợi ích của các bên ghi trong thỏa ước lao động tập thể bị tuyên bố vô hiệu quy định tại khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động đã sửa đổi, bổ sung được giải quyết như sau: những nội dung nào bị tuyên bố vô hiệu thì quyền, nghĩa vụ và lợi ích của các bên được giải quyết theo các nội dung tương ứng quy định trong pháp luật hiện hành và theo các thỏa thuận hợp pháp trong các hợp đồng cá nhân (nếu có)."

#### **5. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 như sau:**

**"Điều 6.** Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Lao động đã sửa đổi, bổ sung được quy định như sau:

1. Thỏa ước lao động tập thể tiếp tục có hiệu lực đối với trường hợp sáp nhập doanh nghiệp, mà doanh nghiệp nhận sáp nhập có số lao động được tiếp tục sử dụng chiếm trên 50% tổng số lao động sau khi sáp nhập.

2. Các trường hợp hợp nhất, chia, tách doanh nghiệp, chuyển quyền sở hữu, quyền quản lý, quyền sử dụng tài sản của doanh nghiệp và sáp nhập doanh nghiệp không theo quy định tại khoản 1 Điều này thì hai bên phải tiến hành thương lượng để ký kết thỏa ước lao động tập thể mới trong thời hạn 6 tháng."

**Điều 2.** Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 1 năm 2003.

**Điều 3.** Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Giám đốc các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

TM. Chính phủ  
Thủ tướng

PHAN VĂN KHẢI

## **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

**QUYẾT ĐỊNH của Thủ tướng Chính phủ  
số 157/2002/QĐ-TTg ngày 14/11/2002  
về việc thành lập và áp dụng chính  
sách đối với Khu khuyến khích  
phát triển kinh tế - thương mại  
Chân Mây thuộc tỉnh Thừa Thiên -  
Huế.**

### **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thương mại tại Tờ trình số 3135/TM-VTM ngày 12 tháng 8 năm 2002; đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế tại Tờ trình số 1374/TT-UB ngày 20 tháng 6 năm 2002 và ý kiến của các Bộ, ngành liên quan,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thành lập Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây tại xã Lộc Vĩnh, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế có tổng diện tích khoảng 1.000 ha, phía Tây giáp Khu trung tâm đô thị Chân Mây, phía Đông giáp mũi Chân Mây Đông, phía Nam giáp quốc lộ 1A, phía Bắc giáp vịnh Chân Mây.

Trong Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây được phép thành lập Khu bảo thuế với diện tích 250 ha, cách biệt các khu chức năng khác trong Khu này.

**Điều 2.** Khu khuyến khích phát triển kinh tế - thương mại Chân Mây được áp dụng các chính sách quy định tại Quyết định số 53/2001/QĐ-TTg ngày 19 tháng 4 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đối với Khu kinh tế cửa khẩu biên giới.

**Điều 3.** Trong quá trình thực hiện, Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế có trách nhiệm: